

Số: /KH- UBND

Chi Lăng Nam, ngày tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã Chi Lăng Nam

Thực hiện Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; Kế hoạch số 587/KH-UBND ngày 08/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Hải Dương.

Thực hiện Kế hoạch số 3164/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2023 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Thực hiện Kế hoạch số 2517/KH-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện về việc thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025 trên địa bàn huyện Thanh Miện.

Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng Nam ban hành Kế hoạch thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Mục đích

1.1. Triển khai, thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 -2025; Thông tư số

02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội để xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp đa chiều giai đoạn 2022-2025, làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội cho năm 2024 và những năm kế tiếp.

1.2. Hướng dẫn quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 để làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mua bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế.

2. Yêu cầu

- Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn toàn xã phải thực hiện đúng quy trình và bộ công cụ quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo đúng nội dung kế hoạch này dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, giám sát của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và có sự tham gia của người dân, nhằm xác định đúng đối tượng.

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đảm bảo chính xác, dân chủ, công khai, công bằng, đúng quy trình và thời gian quy định, có sự tham gia của các cấp, các ngành, của người dân và cộng đồng. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải phản ánh đúng thực trạng đời sống của Nhân dân, tuyệt đối không bỏ sót hộ nghèo, hộ cận nghèo, không chạy theo thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

- Việc xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình phải đảm bảo quy định thực hiện, kết quả xác định đối tượng phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.

3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

3.1. Phạm vi điều chỉnh

Kế hoạch này hướng dẫn thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã Chi Lăng Nam.

3.2. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình trên phạm vi toàn xã.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2023 và làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội năm 2024

Thực hiện Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

- Tiêu chí về thu nhập:
 - + Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng
- Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản
 - + Các dịch vụ xã hội cơ bản (6 dịch vụ) gồm: Việc làm; Y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.
 - + Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số) gồm: Việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo; Hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025.

* *Chuẩn hộ nghèo:*

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

* *Chuẩn Cận nghèo:* Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

2.3. Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều

2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III (Mẫu 3.1. Phiếu B1; Mẫu số 3.2. Phiếu B2; Mẫu 3.5 bảng chấm điểm phiếu B1 và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

3. Xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

* Chuẩn Hộ có mức sống trung bình:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

* Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình, thực hiện theo phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm Nông nghiệp, Lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục III.

III. THỜI GIAN RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH

1. Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Định kỳ: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2022 đến hết ngày 14/12/2023.

- Thường xuyên: Mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

2. Thời gian xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình: Thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025 do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN RÀ SOÁT

- Từ ngày 02/10/2023 đến 06/10/2023: Kiện toàn Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo; xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã và tổ chức họp triển khai kế hoạch rà soát; đồng thời tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã.

- Từ ngày 10/10/2023 đến ngày 21/10/2023 các thôn tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 (hoàn thiện các mẫu phiếu A;B; phiếu hộ có mức sống trung bình) nộp về BCD xã để tổng hợp.

- Từ ngày 22/10/2023 đến ngày 25/10/2023 các các thôn họp dân để thống nhất kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình.

- Ngày 26/10/2023 các thôn báo cáo kết quả điều tra, rà soát, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình về Ban chỉ đạo của xã để báo cáo BCD Huyện.

- Từ ngày 27/10/2023 đến 31/10/2023 BCD xã họp xét duyệt.

- Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/11/2023 hoàn thiện các biểu mẫu báo cáo theo quy định.

- Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 15/12/2023 Làm thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2023.

+ Lập danh sách cấp bảo hiểm y tế năm 2023 cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định. Cập nhật dữ liệu thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo vào hệ thống dữ liệu quốc gia để quản lý, lập sổ quản lý theo dõi.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết, tham gia thực hiện.

- BCD xã chỉ đạo các thôn tổ chức điều tra, rà soát, bình xét công khai, dân chủ, khách quan. Không để tình trạng ghép người khác hộ vào hộ nghèo; Cập nhật thông tin theo các mẫu phiếu đã in sẵn, tổng hợp nộp về BCD xã theo đúng tiến độ thời gian quy định.

- Xây dựng phương án kế hoạch, kinh phí, tổ chức lực lượng tham gia công tác rà soát trên địa bàn.

- BCD xã họp xét, rà lại danh sách và tổng hợp, phân loại lập danh sách chi tiết các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; hộ

làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã sau khi có kết quả rà soát chính thức.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận và chỉ đạo tổ chức việc cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; báo cáo kết quả để Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp và có ý kiến thẩm định.

Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tổ chức kiểm tra, rà soát, điều chỉnh việc thực hiện chính sách, chế độ đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đảm bảo theo quy định.

- Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hằng năm; theo dõi, cập nhật bổ sung thông tin đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã vào phần mềm quản lý khi phát sinh những thay đổi.

- Lập danh sách quản lý các hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã Chi Lăng Nam. Yêu cầu thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, cận nghèo xã, các ban, ngành, đoàn thể nghiêm túc tổ chức thực hiện, trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc phát sinh, kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (*qua Công chức VH-LĐTĐ&XH*) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Thanh Miện;
- Phòng LĐTB&XH huyện;
- TT Đảng; TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Thành viên BCD xã;
- Lưu VP./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Minh